





Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng; sản xuất bê tông tươi thương phẩm; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng và tư vấn đầu tư xây dựng. Sản xuất kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, đầu giá bất động sản, quản lý bất động sản và sàn giao dịch bất động sản.

Tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch, thiết kế giao thông; Tư vấn giám sát công trình: Giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp và dân dụng.

Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu sáng công cộng trong khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch.

Cung cấp, quản lý dịch vụ nhà ở cao tầng: Giữ gìn vệ sinh, trật tự, trông giữ xe đạp, xe máy, vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa, duy tu, cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác dịch vụ kiốt.

Dịch vụ vệ sinh môi trường: Quản lý, chăm sóc vườn hoa, thảm cỏ công viên cây xanh, cây xanh đường phố, sản xuất và cung ứng giống cây, cây cảnh.

Quản lý, khai thác dịch vụ thể thao: tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi.

Khai thác các dịch vụ đô thị: sân bãi đỗ xe, trông giữ ô tô, xe máy.

+ Tình hình hoạt động: Năm 2014 Công ty đã đạt được một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

Tổng vốn đầu tư thực hiện 118,4 tỷ đồng, bằng 91,1% kế hoạch năm, doanh thu thực hiện 252,02 tỷ đồng, đạt 73,0% kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế 2,69 tỷ đồng, đạt 23,0% kế hoạch năm, đảm bảo việc làm cho người lao động với mức thu nhập bình quân là 4,2 triệu đồng/người/ tháng.

### **3. Định hướng phát triển:**

#### **3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu, lấy hiệu quả kinh tế làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, huy động vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, phát huy các mặt hàng truyền thống là sản phẩm xây dựng, đẩy mạnh lĩnh vực đầu tư, phần đầu năm 2015 đầu tư là lĩnh vực kinh doanh chính, tăng trưởng ổn định từ 8-10%/năm, mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh khác, ổn định việc làm cho người lao động, tạo điều kiện để cổ đông và người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp, tăng lợi nhuận, tăng cổ tức, hoàn thành nghĩa vụ, đóng góp ngày càng nhiều cho Ngân sách Nhà nước.

#### **3.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015:**

Năm 2015, Công ty phấn đấu đạt tổng giá trị sản xuất kinh doanh 417 tỷ đồng, doanh thu 275 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 12 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 17 tỷ đồng, chi cổ tức  $\geq 5\%$ /năm, thu nhập bình quân 4,5 triệu đồng/người/tháng.

Xác định rõ tình hình chung năm 2015 và những năm tiếp theo, dự báo kinh tế thế giới và khu vực có dấu hiệu phục hồi, nền kinh tế đất nước có dấu hiệu tăng trưởng tốt, nhưng cũng còn nhiều khó khăn thách thức; đặc biệt là lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản,... trên cơ sở đó Công ty sẽ bám sát Nghị quyết của Đảng



ủy, Hội đồng thành viên Tổng công ty và định hướng phát triển của Công ty năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện song song 3 lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đó là đầu tư phát triển dự án, xây lắp và dịch vụ (dịch vụ quản lý chung cư, khu đô thị, khu công nghiệp, tư vấn thiết kế, sản xuất kinh doanh sản phẩm xây dựng); phấn đấu mức tăng trưởng từ 8-10%/năm so với thực hiện năm 2014. Cụ thể:

**a) Đối với lĩnh vực đầu tư phát triển.**

Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư kinh doanh phát triển các dự án hiện có, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và thu hồi vốn nhanh, phù hợp với điều kiện thị trường và nhu cầu xã hội; trong đó công tác đầu tư phát triển các dự án khu đô thị, dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp và nhà giá rẻ được coi là nhiệm vụ trọng tâm năm 2015 và các năm tiếp theo, cụ thể:

- *Dự án Chung cư thương mại cao tầng phường Phú Sơn*: Đẩy nhanh tiến độ thi công, triển khai thi công căn hộ mẫu theo đúng tiến độ được phê duyệt; hoàn chỉnh phương án kinh doanh trình HĐQT Công ty phê duyệt để triển khai kinh doanh trong quý II/2015.

- *Dự án Khu đô thị sinh thái Sông Đơ*: Đẩy nhanh tiến độ thi công san lấp mặt bằng và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thuộc phân kỳ 1 để bàn giao mặt bằng khu tái định cư cho địa phương vào cuối quý II/2015 và tổ chức kinh doanh dự án vào cuối quý 2 đầu quý 3/2015; kiểm tra, rà soát, hoàn chỉnh các tồn tại về công tác chuẩn bị đầu tư dự án; hoàn chỉnh thiết kế mẫu nhà liền kề dọc tuyến quốc lộ 47, hệ thống cấp nước, cấp điện và khuôn viên cây xanh trình HĐQT phê duyệt; tiếp tục phối hợp với Hội đồng GPMB thị xã Sầm Sơn kiểm kê, chi trả đền bù GPMB phân kỳ III theo kế hoạch.

- *Dự án Khu chung cư thu nhập thấp tại lô C5 phường Đông Vệ*: Tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo đưa vào sử dụng trong Quý I/2016.

- *Dự án Khu B - KCN nghiệp Bim Sơn*: Giải quyết dứt điểm hồ sơ thủ tục liên quan đến khu trung tâm điều hành; hoàn chỉnh lập dự án đầu tư và thiết kế cơ sở giai đoạn 2 trình các ngành liên quan thỏa thuận để triển khai thiết kế cơ sở; nghiên cứu các giải pháp để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào KCN.

- *Dự án khu dân cư khu phố 6 và dự án Khu biệt thự Tây đường Nguyễn Đức Cảnh - Bim Sơn*: Hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ liên quan để làm sổ đỏ bàn giao cho khách hàng; đầu tư thi công dứt điểm một số tồn tại về hạ tầng kỹ thuật, quyết toán vốn đầu tư dự án để bàn giao hạ tầng cho các cơ quan chức năng địa phương theo quy định của pháp luật. Riêng đối với dự án khu biệt thự Tây đường Nguyễn Đức Cảnh phải tập trung nghiên cứu và bằng mọi giải pháp để đẩy mạnh công tác kinh doanh.

**b) Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh.**

- *Công tác thi công*: Đẩy nhanh tiến độ thi công dự án khu chung cư cao tầng phường Phú Sơn, dự án khu đô thị sinh thái Sông Đơ và các công trình, gói thầu: Gói thầu mở rộng QL1 đoạn qua tỉnh Quảng Trị, gói thầu Hạ tầng kỹ thuật dự án Đông Sơn, công trình Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Công Thương Thanh Hóa,... để bàn giao cho chủ đầu tư theo đúng kế hoạch. Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, công nghệ sản xuất,



nhằm nâng cao năng lực, chất lượng thi công xây lắp, rút ngắn thời gian thi công, giảm chi phí giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo đề án nâng cao năng lực xây lắp đã được Tổng công ty phê duyệt.

- *Công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn:* Bám sát các chủ đầu tư thanh toán dứt điểm các công trình, gói thầu đã bàn giao cho chủ đầu tư và các công trình, gói thầu còn tồn tại, như: Công trình đền thờ Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng, gói thầu HTKT Tây Nam Linh Đàm, gói thầu xử lý lún dự án Vân Canh và 4 gói thầu thuộc dự án Chánh Mỹ,...

- *Về hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, VLXD:* Nghiên cứu, đầu tư máy móc, thiết bị thi công, đẩy mạnh công tác sản xuất bê tông ống công ly tâm, các cấu kiện bê tông đúc sẵn và gạch tự chèn,... để phục vụ thi công các dự án, công trình của Công ty và trên địa bàn; tăng cường công tác tiếp thị để kinh doanh bê tông thương phẩm, máy móc thiết bị thi công ra bên ngoài thị trường; rà soát tốt các chi phí, nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào để giảm giá thành sản phẩm, tạo đủ nguồn công việc cho CBNV và người lao động, đảm bảo hoạt động SXKD đạt hiệu quả, phấn đấu năm 2015 giá trị SXKD vật tư, thiết bị, VLXD đạt từ 22 tỷ đồng trở lên.

- *Về hoạt động Dịch vụ đô thị:* Xác định công tác quản lý dịch vụ các khu chung cư, khu đô thị là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Công ty năm 2015 và các năm tiếp theo; do đó phải phát huy tốt năng lực, kinh nghiệm và thương hiệu sẵn có, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc cây xanh dự án khu đô thị mới Đông Sơn và chăm sóc vườn ươm cây xanh để phục vụ thi công dự án Sông Đơ theo kế hoạch.

- *Về hoạt động tư vấn:* Song song với việc tập trung hoàn thành có chất lượng công tác tư vấn, thiết kế trong nội bộ Công ty; Công ty CP tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUD403 cần tăng cường hơn nữa công tác tìm kiếm nguồn công việc bên ngoài, bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng, mạnh dạn nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tư vấn thiết kế xây dựng để giảm giá thành, đặc biệt là nhà ở xã hội, phục vụ chương trình nhà ở xã hội của Công ty.

### *c) Đối với lĩnh vực tài chính.*

+ Duy trì, phát huy tính lành mạnh, kịp thời, chính xác, trung thực, khách quan lĩnh vực tài chính, đảm bảo cơ cấu tài chính hợp lý cho sự phát triển bền vững của đơn vị;

+ Theo dõi, đôn đốc công tác thu hồi vốn, công nợ tồn đọng các công trình, dự án; không ngừng mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng, ... để huy động vốn đảm bảo đầu tư cho hoạt động SXKD của Công ty.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc để không ngừng nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ của Công ty và các đơn vị thành viên.

+ Thực hiện tốt chương trình tiết kiệm chống lãng phí nhằm tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ và Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ.

### **3.3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**



**a) Về mục tiêu, phương hướng.**

Xác định mục tiêu, phương hướng của Công ty trong giai đoạn 2016-2020 là đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh song song cả 3 nhóm ngành nghề, lĩnh vực chính của Công ty:

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp; phấn đấu mức tăng trưởng từ 8-10%/năm so với giai đoạn 2011-2015.

- Đầu tư, phát triển kinh doanh nhà ở, bất động sản các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; trong đó đặc biệt chú trọng đến đầu tư phát triển dự án khu đô thị, dự án nhà xã hội; phấn đấu mức tăng trưởng từ 8-10%/năm so với giai đoạn 2011-2015.

- Dịch vụ quản lý chung cư, khu đô thị, khu công nghiệp, tư vấn thiết kế, sản xuất kinh doanh sản phẩm xây dựng; phấn đấu mức tăng trưởng từ 6-8%/năm so với giai đoạn 2011-2015.

**b) Nhiệm vụ chủ yếu.**

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 chúng ta phải thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho cán bộ. Xây dựng và thực hiện tốt chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn cán bộ quản trị và CNKT lành nghề; thực hiện tốt công tác quy hoạch, gắn với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án theo kế hoạch. Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, công nghệ sản xuất, nhằm nâng cao năng lực, chất lượng thi công xây lắp, rút ngắn thời gian thi công, giảm chi phí giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tập trung tìm kiếm công việc trong lĩnh vực xây lắp (tổ chức tham gia đấu thầu); nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập cho CBCNV và người lao động trong toàn đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác đầu tư kinh doanh phát triển các dự án hiện có, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và thu hồi vốn nhanh, phù hợp với điều kiện thị trường và nhu cầu xã hội; trong đó công tác đầu tư phát triển các dự án khu đô thị, dự án nhà ở xã hội được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này; nghiên cứu các giải pháp để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu các dự án có quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn trung tâm các huyện, thị xã trong tỉnh Thanh Hóa và các vùng kinh tế trọng điểm.

- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đầu tư máy móc, thiết bị, đẩy mạnh công tác sản xuất bê tông ống công lý tâm, các cấu kiện bê tông đúc sẵn và gạch tự chèn,... để phục vụ thi công các dự án, công trình của Công ty và trên địa bàn; tăng cường công tác tiếp thị để kinh doanh bê tông thương phẩm, máy móc thiết bị thi công ra bên ngoài thị trường; rà soát tốt các chi phí, nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào để giảm giá thành sản phẩm, tạo đủ nguồn công việc cho CBCNV đơn vị, đảm bảo hoạt động SXKD đạt hiệu quả.



- Mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng,... để huy động vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty. Xây dựng kế hoạch, lộ trình để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu Công ty lên sàn chứng khoán chậm nhất vào năm 2018. Tiếp tục quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí, tiết giảm chi tiêu, đảm bảo hợp lý, tiết kiệm, tiết giảm từ 5% - 7% chi phí.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty.

1. Những nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (Lợi nhuận, tình hình tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014): Hợp nhất.

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế thu nhập doanh nghiệp là: 2,688 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: 1,757 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (Tình hình tài chính và lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch): Báo cáo hợp nhất.

| STT         | CHỈ TIÊU                         | ĐVT               | KH 2014        | TH 2014        | TH/KH          |
|-------------|----------------------------------|-------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>    | <b>TỔNG MỨC ĐẦU TƯ</b>           | <b>TRIỆU ĐỒNG</b> | <b>130.000</b> | <b>118.400</b> | <b>91,08%</b>  |
| <b>II</b>   | <b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>         | <b>TRIỆU ĐỒNG</b> | <b>430.000</b> | <b>387.480</b> | <b>90,11%</b>  |
| 1           | Giá trị xây lắp                  | Triệu đồng        | 259.050        | 277.100        | 106,97%        |
| 2           | Giá trị kinh doanh               | Triệu đồng        | 170.950        | 110.380        | 64,57%         |
|             | <i>Trong đó:</i>                 |                   |                |                |                |
|             | - Kinh doanh nhà & bất động sản  | Triệu đồng        | 130.000        | 80.000         | 61,54%         |
|             | - Kinh doanh vật liệu            | Triệu đồng        | 33.000         | 21.180         | 64,18%         |
|             | - Kinh doanh dịch vụ             | Triệu đồng        | 2.700          | 2.700          | 100,00%        |
|             | - Tư vấn                         | Triệu đồng        | 5.250          | 6.500          | 123,81%        |
| <b>III</b>  | <b>TỔNG DOANH THU</b>            | <b>TRIỆU ĐỒNG</b> | <b>345.000</b> | <b>252.024</b> | <b>73,05%</b>  |
|             | - Xây lắp                        | Triệu đồng        | 208.000        | 174.519        | 83,90%         |
|             | - Kinh doanh nhà & bất động sản  | Triệu đồng        | 100.000        | 45.553         | 45,55%         |
|             | - Kinh doanh vật liệu            | Triệu đồng        | 30.000         | 24.362         | 81,21%         |
|             | - Kinh doanh dịch vụ + tư vấn TK | Triệu đồng        | 7.000          | 7.590          | 108,43%        |
| <b>IV</b>   | <b>TỔNG SỐ NỢP NSNN</b>          | <b>TRIỆU ĐỒNG</b> | <b>20.000</b>  | <b>20.602</b>  | <b>103,01%</b> |
| <b>V</b>    | <b>LAO ĐỘNG</b>                  |                   |                |                |                |
|             | Lao động bình quân cả năm        | Người             | 1.003          | 1.042          | 103,89%        |
|             | Thu nhập bình quân người/tháng   | Triệu đồng        | 4,20           | 4,20           | 100,00%        |
| <b>VI</b>   | <b>KHẤU HAO TSCĐ, TBTC</b>       | <b>TRIỆU ĐỒNG</b> | <b>4.000</b>   | <b>3.159</b>   | <b>78,98%</b>  |
| <b>VII</b>  | <b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>      | <b>TRIỆU ĐỒNG</b> | <b>11.800</b>  | <b>2.688</b>   | <b>22,78%</b>  |
| <b>VIII</b> | <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>        | <b>TRIỆU ĐỒNG</b> | <b>10.658</b>  | <b>1.757</b>   | <b>16,49%</b>  |
|             | <i>Trong đó:</i> - LN Công ty mẹ | Triệu đồng        | 10.283         | 1.872          | 18,20%         |
|             | - LN Công ty con                 | Triệu đồng        | 375            | -115           | -30,67%        |

### 3. Tình hình thực hiện nhiệm kỳ 2010-2014

| TT | Các chỉ tiêu SXKD | ĐVT     | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Tổng cộng |
|----|-------------------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|
| 1  | Tổng vốn đầu tư   | Tr đồng | 464.000  | 551.600  | 300.000  | 120.000  | 118.400  | 1.554.000 |



|    |                           |         |           |           |         |         |         |           |
|----|---------------------------|---------|-----------|-----------|---------|---------|---------|-----------|
| 2  | Tổng giá trị SXKD         | Tr đồng | 1.028.255 | 1.124.939 | 680.000 | 420.736 | 387.480 | 3.641.410 |
| 3  | Doanh thu                 | Tr đồng | 718.484   | 670.666   | 507.616 | 305.400 | 252.024 | 2.454.190 |
| 4  | Nộp ngân sách             | Tr đồng | 17.739    | 61.067    | 21.563  | 33.027  | 20.602  | 153.998   |
| 5  | LN sau thuế               | Tr đồng | 41.832    | 58.142    | 29.282  | 12.432  | 1.757   | 143.445   |
| 6  | Vốn điều lệ               | Tr đồng | 150.000   | 150.000   | 150.000 | 150.000 | 150.000 | 750.000   |
| 7  | Vốn chủ sở hữu            | Tr đồng | 225.799   | 264.284   | 256.766 | 239.827 | 232.505 | 1.219.181 |
| 8  | Chi trả cổ tức            | %/năm   | 25        | 18        | 16      | 6       |         |           |
| 9  | Lao động                  | người   | 3.300     | 3.600     | 3.000   | 1.003   | 1.042   | 11.945    |
| 10 | Thu nhập BQ (người/tháng) | Tr đồng | 3,50      | 3,80      | 4,20    | 4,20    | 4,20    | 3,98      |

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012 tình hình SXKD của công ty đạt kết quả tốt, giai đoạn 2013 đến năm 2014 do ảnh hưởng của nền kinh tế nên tình hình SXKD của công ty đạt chưa cao.

#### 4. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên, chủ động lập phương án sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, cụ thể:

- Công ty đã triển khai tổ chức bộ máy quản lý phù hợp, phân công trách nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý cụ thể; mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu quản lý gọn nhẹ, trách nhiệm rõ ràng, kinh doanh hiệu quả.

- Công ty tiếp tục triển khai công tác kinh doanh và thu hồi vốn các dự án Công ty đã thi công, như: dự án Khu dân cư khu phố 6 - Bim Sơn, dự án khu biệt thự tây đường Nguyễn Đức Cảnh - Bim Sơn,...

- Công ty đã tổ chức triển khai thi công dự án khu chung cư cao tầng phường Phú Sơn, dự án khu chung cư thu nhập thấp tại Lô C5 - phường Đông Vệ - TP. Thanh Hóa, dự án Khu đô thị sinh thái hai bờ Sông Đơ, ... Công tác quản lý cũng như thực hiện dự án đầu tư đã được nâng lên rõ rệt, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội; được nhân dân và chính quyền địa phương đánh giá cao và ngày càng khẳng định vị thế và thương hiệu HUD4 trên thị trường.

- Công tác kinh doanh và thu hồi vốn các dự án đảm bảo kế hoạch đề ra; công tác hạch toán kế toán từ Công ty xuống đến các đơn vị trực thuộc đều được nâng cao, thực hiện chặt chẽ, có nề nếp, đúng nguyên tắc, đúng quy định, được các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng đánh giá cao. Đã tạo nguồn vốn thực hiện từng bước đề án mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh: Đầu tư thiết bị cơ sở sản xuất bê tông đúc sẵn, nghiên cứu một số sản phẩm cấu kiện mới phục vụ thi công, KD, thiết lập quỹ phát triển khoa học công nghệ.

- Năm 2014 Công ty bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc, đến tháng 5/2014 đồng chí Giám đốc Công ty xin nghỉ công tác để hưởng chế độ hưu trí, do đó Công ty đã bổ



nhiệm 01 đồng chí Phó Giám đốc giữ chức Giám đốc Công ty và tháng 11/2014 Công ty bổ nhiệm thêm 01 Phó Giám đốc Công ty. Ngoài ra, năm 2014 Công ty bổ nhiệm 09 chức danh Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc nhằm tăng cường và ổn định bộ máy quản lý; bổ sung cán bộ cho một số phòng, ban, đơn vị, Xí nghiệp để thi công các công trình, dự án theo đề án nâng cao năng lực thi công xây lắp đã được Tổng công ty phê duyệt; tổ chức cho đi tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ 20 lượt người; giải quyết chế độ hưu trí theo quy định và tinh giảm biên chế 47 CBCNV

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả một số quy chế quản lý nội bộ, như: Quy chế phân cấp quản lý tổ chức, lao động, tiền lương; quy chế văn thư; Quy chế hoạt động công tác xây lắp theo định hướng mới.

- Hàng tháng, quý đều duy trì tốt chế độ họp định kỳ kiểm điểm đánh giá những nội dung Nghị quyết kỳ trước, bàn bạc thảo luận đề ra Nghị quyết kỳ tới.

- Khi có những vấn đề lớn, đột xuất cần xử lý, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp bất thường để kịp thời giải quyết.

- Duy trì và thực hiện có hiệu quả công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008.

- Chi trả cổ tức; thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cổ đông và người lao động kịp thời, chính xác và nghiêm túc.

### **5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

- Tập trung tối đa nguồn lực, khắc phục các khó khăn, tháo gỡ các rào cản để triển khai và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015 và các năm tiếp theo.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình đã triển khai; tập trung quyết liệt công tác kinh doanh, thu hồi vốn các dự án; thanh quyết toán, thu hồi vốn dứt điểm các công trình còn tồn đọng, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hoàn chỉnh các thủ tục chuẩn bị đầu tư và các điều kiện liên quan để tổ chức khởi công các dự án, công trình theo kế hoạch, như: dự án khu đô thị sinh thái hai bờ Sông Đơ và một số dự án, công trình khác đang hoàn chỉnh thủ tục.

- Hoàn thiện cơ chế pháp lý, quản lý, phương án kinh doanh đối với các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào dự án Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện liên quan để tham gia đấu thầu các dự án theo kế hoạch và đấu thầu các công trình xây dựng nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập cho CBCNV và người lao động trong toàn đơn vị.

- Rà soát, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện toàn bộ các cơ sở pháp lý cần thiết để tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty; chú trọng kiểm soát rủi ro tài chính để kịp thời có biện pháp phòng ngừa, hạn chế, khắc phục và điều chỉnh kế hoạch SXKD cho phù hợp với tình hình thực tế.

### **III. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty:**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính: Báo cáo hợp nhất.**

- Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014, Ban giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng đã định. Mặc dù dự đoán tình



hình kinh tế trong năm 2014 vẫn còn khó khăn, chính phủ vẫn tiếp tục cắt giảm đầu tư công, thị trường BĐS vẫn còn trầm lắng, lãi suất vay vốn tuy có giảm nhưng còn ở mức cao, tuy nhiên điều kiện giải ngân lại thắt chặt, giá vật liệu luôn biến động phức tạp, nhưng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, cùng với sự nỗ lực đoàn kết của toàn thể CBCNV trong Công ty, hoạt động SXKD của Công ty đã đạt được những kết quả thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

**+ Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán.**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 của Công ty đã phản ánh một số chỉ tiêu về khả năng sinh lời và khả năng thanh toán như sau:

| STT      | CHỈ TIÊU                            | ĐVT | NĂM 2013 | NĂM 2014 | % SO SÁNH |
|----------|-------------------------------------|-----|----------|----------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Cơ cấu tài sản</b>               |     |          |          |           |
|          | - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản    | %   | 3,39%    | 3,82%    | 112,79%   |
|          | - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản   | %   | 96,61%   | 96,18%   | 99,55%    |
| <b>2</b> | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>             |     |          |          |           |
|          | - Nợ phải trả/VCSH                  | Lần | 2,75     | 2,66     | 96,67%    |
|          | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn       | %   | 72,78%   | 72,16%   | 99,15%    |
|          | - Vốn CSH / Tổng nguồn vốn          | %   | 26,49%   | 27,17%   | 102,57%   |
| <b>3</b> | <b>Khả năng thanh toán</b>          |     |          |          |           |
|          | - Khả năng thanh toán hiện thời     | Lần | 1,396    | 1,533    | 109,81%   |
|          | - Khả năng thanh toán nhanh         | Lần | 0,644    | 0,704    | 109,35%   |
| <b>4</b> | <b>Khả năng sinh lời</b>            |     |          |          |           |
|          | - Tỷ suất LN trước thuế / Tổng TS   | %   | 1,48%    | 0,31%    | 21,21%    |
|          | - Tỷ suất LN sau thuế / DT thuần    | %   | 4,07%    | 0,70%    | 17,13%    |
|          | - Tỷ suất LN sau thuế / vốn CSH     | %   | 5,18%    | 0,76%    | 14,58%    |
|          | - Tỷ suất LN sau thuế / Vốn điều lệ | %   | 8,29%    | 1,17%    | 14,13%    |
|          | - Tỷ suất LN sau thuế / Tổng TS     | %   | 1,37%    | 0,21%    | 14,95%    |

**+ Phân tích hệ số phù hợp trong kinh doanh:**

Năm 2014 trước tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, tình hình tài chính của Công ty vẫn được đảm bảo, qua các chỉ số thanh toán, cơ cấu tài sản, nguồn vốn cho thấy tại thời điểm 31/12/2014 cơ cấu tài sản lưu động của Công ty lớn hơn tài sản cố định nhiều, do năm 2014 Công ty đang tiếp tục triển khai một số dự án do Công ty làm chủ đầu tư nên đã ưu tiên đầu tư vốn cho tài sản lưu động. Đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty thì đầu tư vào tài sản lưu động, khả năng thu hồi vốn nhanh và có hiệu quả hơn tài sản cố định. Việc thanh toán sớm các khoản nợ vay làm tỷ lệ nợ phải trả / tổng nguồn vốn giảm. Tỷ lệ nợ phải trả / tổng nguồn vốn giảm từ 72,78% xuống còn 72,16% và tỷ lệ nợ phải trả / vốn chủ sở hữu giảm từ 2,75 lần xuống 2,66 lần do trong năm Công ty đã trích trước chi phí các dự án công ty đã triển khai kinh doanh và đến thời điểm ghi nhận doanh thu cho nên nợ phải trả giảm không đáng kể so với năm 2013. Khả năng thanh toán các khoản công nợ hiện thời của Công ty năm 2013 là 1,396 lần, năm 2014 tăng lên: 1,533 lần >1, tăng 9,81% so với năm 2013. Do công ty đã tích cực



tim mọi biện pháp kinh doanh, thu hồi nên khả năng thanh toán hiện thời năm 2014 tăng so với năm 2013.

Bên cạnh đó khả năng thanh toán nhanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,704 lần <1 cao hơn tại thời điểm 31/12/2013, chứng tỏ Công ty đã cố gắng duy trì được một lượng tiền, các khoản tương đương tiền nhưng chưa đủ để đáp ứng kịp thời các khoản thanh toán. Công ty cần triển khai, rà soát và thực hiện công tác thu hồi công nợ để phục vụ cho những khoản chi tiêu mang tính chất nhanh, cần giải quyết ngay của doanh nghiệp.

Để đạt kết quả SXKD như trên, một phần cũng do Công ty quản trịet và triển khai sâu rộng đến từng bộ phận Phòng, ban, tuyên truyền đến từng CBCNV trong Công ty chương trình tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 30/01/2012 của Thủ tướng chính phủ ngày và Nghị quyết số 80/NQ-HUD ngày 12/12/2012 của Tổng công ty, kết quả cụ thể như sau: chi phí QLDN năm 2014 giảm 7% so với 2013, với tổng số tiền là 1,4 tỷ.

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy năm 2014 là năm Công ty đã cố gắng nỗ lực để vượt qua khó khăn, đảm bảo sự ổn định về tình hình tài chính, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu tài chính thực hiện năm 2014 (Hợp nhất):

| STT  | CHỈ TIÊU                         | ĐVT        | THỰC HIỆN NĂM 2013 | NĂM 2014 |           | % TH SO VỚI KH | % TH SO VỚI NĂM 2013 |
|------|----------------------------------|------------|--------------------|----------|-----------|----------------|----------------------|
|      |                                  |            |                    | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN |                |                      |
| I    | Tổng mức đầu tư                  |            | 300.000            | 130.000  | 118.400   | 91,08%         | 39,47%               |
| II   | TỔNG SXKD                        | Triệu đồng | 420.736            | 430.000  | 387.480   | 90,11%         | 92,10%               |
| 1    | Giá trị xây lắp                  | Triệu đồng | 254.721            | 259.050  | 277.100   | 106,97%        | 108,79%              |
| 2    | Giá trị kinh doanh               | Triệu đồng | 166.015            | 170.950  | 110.380   | 64,57%         | 66,49%               |
|      | <i>Trong đó:</i>                 | Triệu đồng | 0                  | 0        | 0         |                |                      |
|      | - Kinh doanh nhà và BDS          | Triệu đồng | 130.000            | 130.000  | 80.000    | 61,54%         | 61,54%               |
|      | - Kinh doanh vật liệu            | Triệu đồng | 26.615             | 33.000   | 21.200    | 64,24%         | 79,65%               |
|      | - Kinh doanh dịch vụ             | Triệu đồng | 4.400              | 2.700    | 2.700     | 100,00%        |                      |
|      | - Tư vấn thiết kế                | Triệu đồng | 5.000              | 5.250    | 6.480     | 123,43%        | 129,60%              |
| III  | TỔNG DOANH THU                   | Triệu đồng | 305.400            | 345.000  | 252.024   | 73,05%         | 82,52%               |
|      | - Xây lắp                        | Triệu đồng | 148.503            | 208.000  | 174.519   | 83,90%         | 117,52%              |
|      | - Kinh doanh nhà và BDS          | Triệu đồng | 124.480            | 100.000  | 45.553    | 45,55%         | 36,59%               |
|      | - Kinh doanh vật liệu            | Triệu đồng | 25.697             | 30.000   | 24.362    | 81,21%         | 94,80%               |
|      | - Kinh doanh dịch vụ + tư vấn TK | Triệu đồng | 6.720              | 7.000    | 7.590     | 108,43%        | 112,95%              |
| IV   | Số Phải nộp NSNN                 | Triệu đồng | 23.367             | 20.000   | 19.670    | 98,35%         | 84,18%               |
| V    | Đã nộp NSNN                      | Triệu đồng | 33.027             | 20.000   | 20.602    | 103,01%        | 62,38%               |
| VI   | Khấu hao TSCĐ                    | Triệu đồng | 4.050              | 4.000    | 3.159     | 78,98%         | 78,00%               |
| VII  | LAO ĐỘNG                         |            |                    |          |           |                |                      |
|      | Lao động bình quân cả năm        | người      | 1.003              | 1.003    | 1.042     | 103,89%        | 103,89%              |
|      | Thu nhập BQ người/tháng          | Triệu đồng | 4,20               | 4,20     | 4,20      | 100,00%        | 100,00%              |
| VIII | Lợi nhuận trước thuế             | Tr đồng    | 13.407             | 11.800   | 2.688     | 22,78%         | 20,05%               |
|      | <i>Trong đó:</i> - LN Công ty mẹ | Triệu đồng | 11.165             | 11.300   | 2.287     | 20,24%         | 20,48%               |
|      | - LN Công ty con                 | Triệu đồng | 2.242              | 500      | 401       | 80,20%         | 17,89%               |
| IX   | Lợi nhuận sau thuế               | Tr đồng    | 12.432             | 10.658   | 1.757     | 16,49%         | 14,13%               |



|                         |            |        |        |       |         |        |
|-------------------------|------------|--------|--------|-------|---------|--------|
| Trong đó: LN Công ty mẹ | Triệu đồng | 11.048 | 10.283 | 1.872 | 18,20%  | 16,94% |
| - LN Công ty con        | Triệu đồng | 1.384  | 375    | -115  | -30,67% | -8,31% |

Sở dĩ trong năm 2014, doanh thu và lợi nhuận không đạt so với kế hoạch và thực hiện so với cùng kỳ năm 2013 có giảm là do năm 2014 tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, chưa có dấu hiệu phục hồi, lãi suất vẫn còn ở mức cao, giá cả biến động, nên Công ty không tham gia đấu thầu những công trình mà Chủ đầu tư không thu xếp được vốn mà chỉ tập trung triển khai thi công những dự án do Công ty làm chủ đầu tư và tham gia đấu thầu những công trình mà Chủ đầu tư đã thu xếp được vốn để mang lại hiệu quả và thanh khoản cao.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014: Tổng tài sản: 855.805.315.140 đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông: Năm 2014 vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là: 150 tỷ đồng, tương đương với 15.000.000 cổ phần:

+ Cổ đông Nhà nước: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51%.

+ Cổ đông khác: 7.350.000 cổ phần, chiếm 49%.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Cổ phiếu phổ thông: 15.000.000 cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Cổ phiếu phổ thông 15.000.000 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có.

- Cổ tức /lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: dự kiến không chia.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2014 (Hợp nhất):

| CHỈ TIÊU  | THỰC HIỆN NĂM 2013 | NĂM 2014        |                 | SO SÁNH % |           |
|---|--------------------|-----------------|-----------------|-----------|-----------|
|   |                    | KẾ HOẠCH        | THỰC HIỆN       | TH/KH     | 2014/2013 |
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ          | 305.400.781.817    | 345.000.000.000 | 252.048.790.276 | 73,06%    | 82,53%    |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                   |                    |                 | 24.233.637      |           |           |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ | 305.400.781.817    | 345.000.000.000 | 252.024.556.639 | 73,05%    | 82,52%    |
| 4. Giá vốn hàng bán                               | 270.882.513.913    | 317.200.000.000 | 231.456.966.515 | 72,97%    | 85,45%    |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ   | 34.518.267.904     | 27.800.000.000  | 20.567.590.124  | 73,98%    | 59,58%    |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                  | 14.359.722.770     | 10.000.000.000  | 5.977.222.191   | 59,77%    | 41,62%    |
| 7. Chi phí tài chính                              | 18.175.380.502     | 10.000.000.000  | 11.946.758.672  | 119,47%   | 65,73%    |
| - Trong đó lãi vay phải trả                       | 18.175.380.502     | 10.000.000.000  | 9.496.639.429   | 94,97%    | 52,25%    |
| 8. Chi phí bán hàng                               |                    |                 |                 |           |           |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 19.041.663.932     | 17.000.000.000  | 17.614.480.201  | 103,61%   | 92,50%    |
| 10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh          | 11.660.946.240     | 10.800.000.000  | -3.016.426.558  | -27,93%   | -25,87%   |
| 11. Thu nhập khác                                 | 7.587.705.507      | 6.000.000.000   | 8.899.492.158   | 148,32%   | 117,29%   |
| 12. Chi phí khác                                  | 5.841.339.186      | 5.000.000.000   | 3.194.997.947   | 63,90%    | 54,70%    |
| 13. Lợi nhuận khác                                | 1.746.366.321      | 1.000.000.000   | 5.704.494.211   | 570,45%   | 326,65%   |



|                                 |                |                |               |         |         |
|---------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------|---------|
| 14. Tổng lợi nhuận trước thuế   | 13.407.312.562 | 11.800.000.000 | 2.688.067.653 | 22,78%  | 20,05%  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 268.439.660    | 1.142.000.000  | 643.887.187   | 56,38%  | 239,86% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại  | 706.384.891    |                | 287.169.434   |         | 40,65%  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế          | 12.432.488.011 | 10.658.000.000 | 1.757.011.032 | 16,49%  | 14,13%  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu    | 1.961          | 711            | 820           | 115,41% | 41,82%  |

### 3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

+ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Từ cuối năm 2013 đầu năm 2014 Công ty bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc, đến tháng 5/2014 đồng chí Giám đốc Công ty xin nghỉ công tác để hưởng chế độ hưu trí, do đó Công ty đã bổ nhiệm 01 đồng chí Phó Giám đốc giữ chức Giám đốc Công ty và tháng 11/2014 Công ty bổ nhiệm thêm 01 Phó Giám đốc Công ty. Ngoài ra, năm 2014 Công ty bổ nhiệm 09 chức danh Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc nhằm tăng cường và ổn định bộ máy quản lý; bổ sung cán bộ cho một số phòng, ban, đơn vị, Xi nghiệp đề thi công các công trình, dự án theo đề án nâng cao năng lực thi công xây lắp đã được Tổng công ty phê duyệt; tổ chức cho đi tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ 20 lượt người; giải quyết chế độ hưu trí theo quy định và tinh giảm biên chế 47 CBCNV.

- Song song với việc tái cơ cấu hoạt động xây lắp, Công ty đang tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

- Trong năm 2014 Công ty đã thanh lý hợp đồng 08 Lê Quang Kim để có vốn phục vụ cho SXKD của Công ty.

#### + Các biện pháp kiểm soát:

Năm 2014, Công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD là nhờ:

- Công ty đã quản lý tài chính chặt chẽ vật tư, tiền vốn và các loại chi phí khác nhằm mang lại kết quả SXKD đạt mức cao nhất.

- Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm tối đa chi phí lãi vay, đã tiếp cận được với các ngân hàng thương mại để vay vốn phục vụ cho SXKD của Công ty tích cực thu nợ phải thu và chiếm dụng vốn của nhà cung cấp vật tư hàng hoá cho Công ty.

- Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn Công ty.

- Hội đồng quản trị đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý tài chính đối với các phòng, các ban QLDA, Công ty con và các đội xây lắp thông qua báo cáo tuần, tháng, Họp HĐQT, lập các đoàn kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện công tác tài chính và kết quả SXKD định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất khi cần thiết.

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2014, Ban giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch SXKD năm 2015 (kế hoạch xây dựng theo phương thức ghép số liệu giữa Công ty mẹ và các Công ty con), theo đó dự kiến năm 2015 Công ty sẽ thực hiện các chỉ tiêu như sau:



| STT  | CHỈ TIÊU   | ĐVT        | NĂM BÁO CÁO |           | KẾ HOẠCH NĂM 2015 | % KH 2015 /KH 2014 |
|------|--|------------|-------------|-----------|-------------------|--------------------|
|      |  |            | KẾ HOẠCH    | THỰC HIỆN |                   |                    |
| I    | TỔNG MỨC ĐẦU TƯ  | Tr đồng    | 130.000     | 118.400   | 130.000           | 100,00%            |
| II   | TỔNG GIÁ TRỊ SXKD  | Tr đồng    | 430.000     | 387.480   | 417.000           | 96,97%             |
| 1    | Giá trị xây lắp  | Triệu đồng | 259.050     | 277.100   | 253.300           | 93,53%             |
| 2    | Giá trị kinh doanh                                       | Triệu đồng | 170.950     | 110.380   | 163.700           | 95,76%             |
|      | <i>Trong đó:</i>   | Triệu đồng |             |           |                   |                    |
|      | - Kinh doanh nhà & hạ tầng                               | Triệu đồng | 130.000     | 80.000    | 130.000           | 100,00%            |
|      | - Kinh doanh vật liệu                                    | Triệu đồng | 33.000      | 21.200    | 25.000            | 75,76%             |
|      | - Kinh doanh dịch vụ                                     | Triệu đồng | 2.700       | 2.700     | 2.700             | 100,00%            |
|      | - Tư vấn, thiết kế                                       | Triệu đồng | 5.250       | 6.480     | 6.000             | 114,29%            |
| III  | TỔNG DOANH THU   | Tr đồng    | 345.000     | 252.024   | 275.000           | 79,71%             |
|      | - Xây lắp  | Triệu đồng | 208.000     | 174.519   | 150.000           | 72,12%             |
|      | - Kinh doanh nhà & hạ tầng                               | Triệu đồng | 100.000     | 45.553    | 94.363            | 94,36%             |
|      | - Kinh doanh vật liệu                                    | Triệu đồng | 30.000      | 24.362    | 22.727            | 75,76%             |
|      | - KD dịch vụ + tư vấn TK                                 | Triệu đồng | 7.000       | 7.590     | 7.910             | 113,00%            |
| IV   | Thuế phải nộp NSNN                                       | Tr đồng    | 20.000      | 19.670    | 19.000            | 95,00%             |
| V    | Thuế đã nộp NSNN   | Tr đồng    | 20.000      | 20.602    | 17.000            | 85,00%             |
| VI   | Khấu hao TSCĐ  | Tr đồng    | 4.000       | 3.159     | 4.000             | 100,00%            |
| VII  | Lao động   |            |             |           |                   |                    |
|      | Lao động bình quân cả năm                                | Người      | 1.003       | 1.042     | 1.042             | 103,89%            |
|      | Thu nhập BQ người/tháng                                  | Triệu đồng | 4,2         | 4,2       | 4,5               | 107,14%            |
| VIII | Lợi nhuận trước thuế                                     | Tr đồng    | 11.800      | 2.688     | 12.000            | 101,69%            |
|      | <i>Trong đó:</i> - LN Công ty mẹ                         | Triệu đồng | 11.300      | 2.287     | 10.000            | 88,50%             |
|      | - LN Công ty con   | Triệu đồng | 500         | 401       | 2.000             | 400,00%            |
| IX   | Lợi nhuận sau thuế                                       | Tr đồng    | 10.658      | 1.757     | 9.360             | 87,82%             |
|      | <i>Trong đó:</i> LN Công ty mẹ                           | Triệu đồng | 10.283      | 1.872     | 7.800             | 75,85%             |
|      | - LN Công ty con   | Triệu đồng | 375         | -115      | 1.560             | 416,00%            |
| X    | Tổng nhu cầu vốn   | Tr đồng    | 430.000     | 387.480   | 417.000           | 96,97%             |
|      | <i>Trong đó</i>  |            |             |           |                   |                    |
|      | - Hoạt động xây lắp                                      | Triệu đồng | 259.050     | 277.100   | 253.300           | 93,53%             |
|      | - Hoạt động KD nhà & BDS                                 | Triệu đồng | 130.000     | 80.000    | 130.000           | 100,00%            |
|      | - Hoạt động KD vật liệu                                  | Triệu đồng | 33.000      | 21.200    | 25.000            | 75,76%             |
|      | - Hoạt động dịch vụ                                      | Triệu đồng | 2.700       | 2.700     | 2.700             | 100,00%            |
|      | - Tư vấn thiết kế  | Triệu đồng | 5.250       | 6.480     | 6.000             | 114,29%            |
| 1    | Vay ngân hàng  | Triệu đồng | 301.000     | 294.253   | 284.200           | 94,42%             |
|      | Nhu cầu vay vốn Dự án TNT lô C5 P. Đông Vệ TP Thanh Hóa: | Triệu đồng |             |           | 120.000           |                    |
|      | - Vốn vay: + ưu đãi:                                     |            |             |           | 80.000            |                    |
|      | + thương mại:  |            |             |           | 40.000            |                    |
|      | Nhu cầu vay vốn Dự Khu B KCN Bim Sơn:                    | Triệu đồng |             |           | 150.000           |                    |



|   |                         |   |      |  |      |
|---|-------------------------|---|------|--|------|
|   | - Vốn vay: + thương mại |   |      |  |      |
| X | Chỉ số tức              | % | >=5% |  | >=5% |

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lễ lễ làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

+ Ổn định và sắp xếp bộ máy quản lý xây lắp của Công ty mẹ theo hướng tinh, gọn để chuyển dần công tác xây lắp sang các Công ty con; Công ty mẹ chỉ tập trung vào lĩnh vực đầu tư và đảm nhận thi công các công trình có kết cấu phức tạp, thời gian thi công nhanh, với mức tăng trưởng ổn định từ 10 đến 15%.

+ Lĩnh vực tư vấn thiết kế: Xây dựng Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng HUD403 trở thành đơn vị hàng đầu về lĩnh vực tư vấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá và các tỉnh miền Trung.

+ Lĩnh vực dịch vụ: Đi cùng với các sản phẩm đầu tư là các dịch vụ quản lý khai thác các khu đô thị, khu dân cư, nhà cao tầng, KTX sinh viên đảm bảo tốt nhất, giữ vững và phát huy thương hiệu HUD và HUD4.

+ Lĩnh vực đầu tư: Hoàn thành việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy thực hiện và quản lý lĩnh vực đầu tư từ Công ty xuống đến các Ban quản lý và các đơn vị thành viên; áp dụng mô hình khu đô thị mới đồng bộ và hiện đại (cả về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội) vào các dự án mà Công ty đang triển khai cũng như chuẩn bị triển khai.

+ Phương án tài chính để thực hiện: Công ty sẽ dùng vốn tự có, vốn thu từ kinh doanh bán hàng, từ thu hồi công nợ và khách hàng trả trước. Mặt khác sử dụng nguồn vốn vay tín dụng ngân hàng, đảm bảo tính linh hoạt trong công tác tài chính, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh.

#### IV. Báo cáo tài chính: (Báo cáo tài chính đính kèm)

#### V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

(Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm)

#### VI. Các công ty có liên quan:

##### 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ các công ty thành viên:

- + Công ty cổ phần Xây dựng HUD401; tỷ lệ nắm giữ 51% vốn điều lệ.
- + Công ty cổ phần Tư vấn, đầu tư và xây dựng HUD403; tỷ lệ nắm giữ 60% vốn điều lệ.

+ Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD405 – Bình Định; tỷ lệ nắm giữ 51% vốn điều lệ.

##### 2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức, công ty nắm giữ:

- + Tổng công ty Phát triển nhà và đô thị; tỷ lệ nắm giữ 51% vốn điều lệ.

##### 3. Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan:

Đến nay Công ty đã tham gia góp vốn thành lập 03 Công ty. Hiện nay có 02 Công ty là Công ty HUD401 và Công ty HUD403 đã làm ăn có hiệu quả đã chi trả cổ tức từ 3% đến 20%/năm. Công ty HUD405 bắt đầu năm 2013 có hiệu quả.

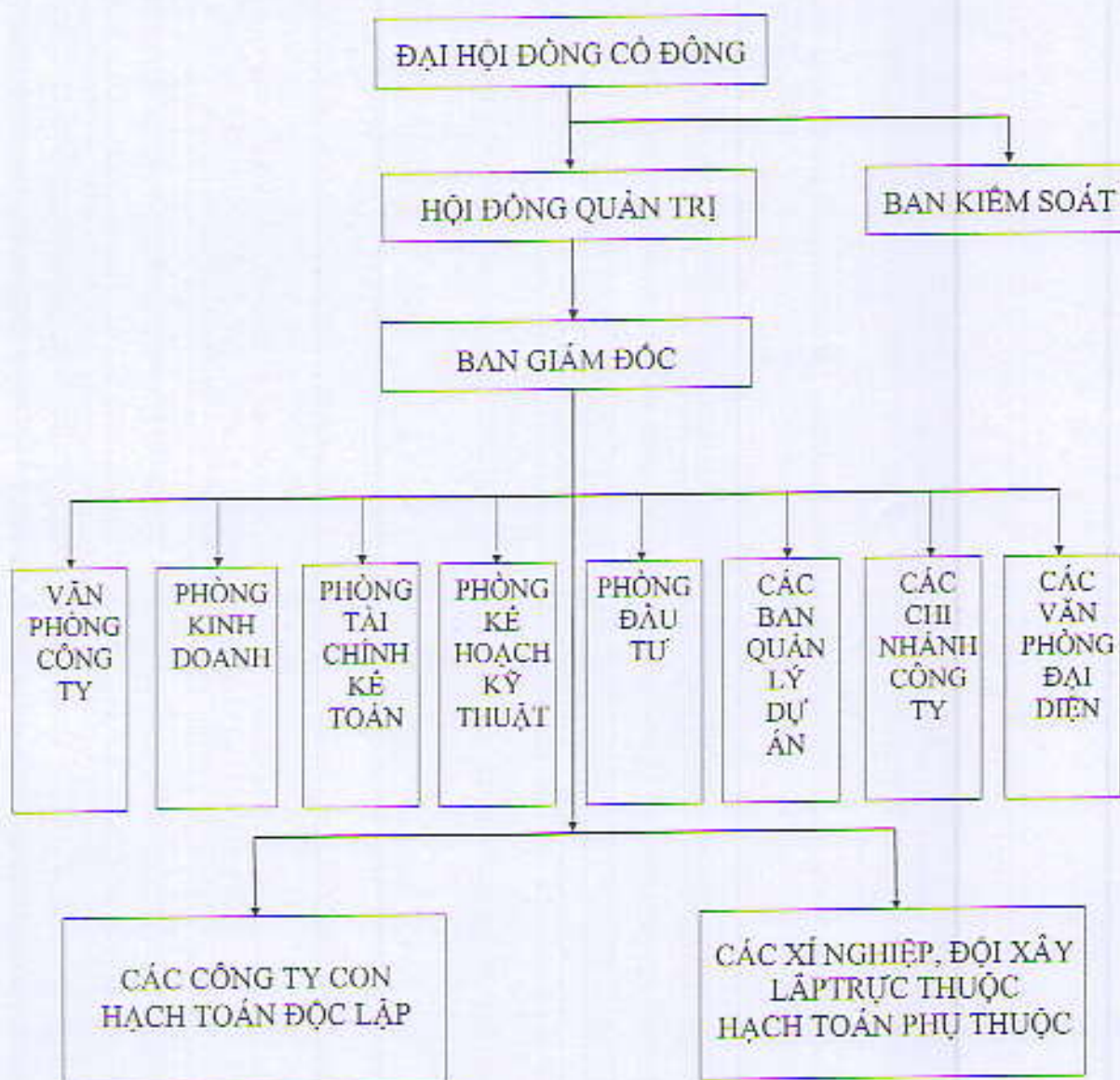


Công ty CP Xây dựng HUD401 hiện có vốn điều lệ là 7 tỷ đồng, Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD4 nắm giữ 357.000 CP, chiếm 51% số vốn điều lệ, số vốn đầu tư theo cam kết 3,570 tỷ đồng, số vốn thực góp 3,570 tỷ đồng. Công ty CP tư vấn DT và XD HUD403 có số vốn điều lệ là 2 tỷ đồng, Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD4 nắm giữ 120.000 CP, chiếm 60% vốn điều lệ, số vốn đầu tư theo cam kết 1,2 tỷ đồng, số vốn thực góp 1,2 tỷ đồng. Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD405 có vốn điều lệ 9 tỷ đồng, Công ty HUD4 nắm giữ 936.000CP, chiếm 51 % vốn điều lệ, số vốn đầu tư theo cam kết 4,59 tỷ đồng, số vốn thực góp 4,59 tỷ đồng. Tổng cộng Công ty đang nắm giữ 936.000 CP tại 3 công ty con, tổng số vốn đầu tư theo cam kết 9,36 tỷ đồng, tổng số vốn thực góp 9,36 tỷ đồng.

#### 4. Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty liên quan:

##### VII. Tổ chức và nhân sự:

+ Cơ cấu tổ chức của Công ty:





+ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

- Hội đồng quản trị:

| Stt | Họ và tên        | Năm sinh   | Chức vụ           | Chuyên môn             | Nơi ở hiện nay  |
|-----|------------------|------------|-------------------|------------------------|---|
| 1   | Lê Quang Hiệp    | 28/12/1962 | Chủ tịch HĐQT     | Kỹ sư xây dựng         | SN 20 BT2 KDTM Đông bắc ga, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá      |
| 2   | Đông Phạm Bình   | 15/09/1958 | Phó chủ tịch HĐQT | Kỹ sư kinh tế xây dựng | Lô 30, Ngõ 4, KĐTMT Đông bắc ga, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá |
| 3   | Nguyễn Việt Hùng | 11/9/1979  | Ủy viên HĐQT      | Kỹ sư XD cảng ĐT       | Lô 33 Khu dân cư mới, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa             |
| 4   | Đoàn Văn Thanh   | 23/11/1973 | Ủy viên HĐQT      | Cử nhân kinh tế        | TT Công ty Xây lắp điện 4, Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội.     |
| 5   | Lê Đỗ Thắng      | 03/02/1974 | Ủy viên HĐQT      | Kỹ sư xây dựng DDCN    | Xã Đông Cương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa                |

- Ban Giám đốc:

| Stt | Họ và tên        | Ngày sinh  | Chức vụ          | Chuyên môn          | Nơi ở hiện nay   |
|-----|------------------|------------|------------------|---------------------|--|
| 1   | Nguyễn Việt Hùng | 11/9/1979  | UVHĐQT, Giám đốc | Kỹ sư XD cảng ĐT    | Lô 33 Khu dân cư mới, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa                |
| 2   | Nguyễn Văn Huyền | 15/12/1962 | Phó Giám đốc     | Kỹ sư xây dựng DDCN | Nhà 14 BT3, Khu đô thị mới Đông Bắc Ga, Đông Thọ, Tp Thanh Hóa |
| 3   | Lê Đỗ Thắng      | 03/02/1974 | UVHĐQT, Phó GĐ   | Kỹ sư xây dựng DDCN | Xã Đông Cương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa                   |
| 4   | Hoàng Anh Tuấn   | 30/10/1963 | Phó Giám đốc     | Kỹ sư xây dựng DDCN | Hoàng Văn Thụ, Ba Đình, TP Thanh Hóa                           |

- Ban Kiểm soát:

| STT | Họ và tên       | Năm sinh   | Chức vụ        | Chuyên môn          | Nơi ở hiện nay                           |
|-----|-----------------|------------|----------------|---------------------|--|
| 1   | Hà Thị Hạnh     | 14/12/1980 | Trưởng ban KS  | Cử nhân kinh tế     | Lô 47, phố 13, P. Lam Sơn, TPTH          |
| 2   | Lăng Khắc Cường | 07/03/1984 | Thành viên BKS | Kỹ sư xây dựng DDCN | P1105, nhà CT3, Khu CC TNT Phú Sơn, TPTH |



|   |                |            |                   |                           |                                   |
|---|----------------|------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 3 | Nguyễn Thị Hoa | 07/11/1988 | Thành viên<br>BKS | Kỹ sư kinh tế<br>xây dựng | Xuân Lộc, Triệu<br>Sơn, Thanh Hoá |
|---|----------------|------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------------|

**- Kế toán trưởng:**

| Stt | Họ và tên       | Năm sinh   | Chức vụ        | Chuyên môn      | Nơi ở hiện nay                       |
|-----|-----------------|------------|----------------|-----------------|--------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Nhan | 10/02/1972 | Kế toán trưởng | Cử nhân kinh tế | 27/266 Thành Thái, P. Đông Thọ, TPTH |

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc: Theo quy chế trả lương của Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân trong năm 2014 là: 1042 người, trong đó:

| STT       | Nội dung                        | Số lượng (người) |
|-----------|---------------------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Theo tính chất lao động</b>  |                  |
| 1         | Lao động trực tiếp              | 825              |
| 2         | Lao động gián tiếp dài hạn      | 217              |
| 3         | Lao động gián tiếp ngắn hạn     | 0                |
| <b>II</b> | <b>Theo trình độ chuyên môn</b> |                  |
| 1         | Trên đại học                    | 2                |
| 2         | Trình độ đại học                | 163              |
| 3         | Trình độ cao đẳng               | 15               |
| 4         | Trung cấp nghề                  | 19               |
| 5         | Thợ chuyên môn, công nhân       | 37               |
| 6         | Lao động khác                   | 528              |
|           | <b>Tổng cộng</b>                | <b>1.042</b>     |

+ Chính sách tiền lương đối với người lao động: Chính sách, chế độ tiền lương Công ty đang áp dụng theo thang bảng lương của Nhà nước. Trả lương theo 2 hình thức: trả lương theo thời gian bao gồm cả lương năng suất, trả lương theo lương khoán. Ngoài chính sách về tiền lương, Công ty luôn thực hiện đóng đầy đủ, kịp thời bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

+ Chính sách khen thưởng: Công ty đã có chính sách khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD. Những ngày lễ, tết tùy theo mức đóng góp của người lao động được nhận thưởng xứng đáng với công sức lao động mà họ đã bỏ ra. Vì vậy CBCNV trong Công ty luôn tích cực, hăng say lao động và có những đóng góp không nhỏ trong sự nghiệp phát triển lớn mạnh của Công ty.



+ Công tác đào tạo: Công ty luôn chú trọng đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên Công ty: đăng ký tham gia những chương trình đào tạo về môi giới và định giá bất động sản, nghiệp vụ quản lý dự án, đầu tư xây dựng cơ bản, giá đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tập huấn nhà cao tầng, lớp chỉ huy trưởng công trường, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công, tập huấn công tác bảo hộ lao động.

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.

+ Bổ nhiệm ông **Lê Đỗ Thắng**, sinh ngày 03/02/1974, KSXD, Đảng ủy viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Chánh Văn phòng Công ty; giữ chức: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4, kể từ ngày 03/01/2014.

+ Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị bổ nhiệm ông **Lê Quang Hiệp** - Kỹ sư xây dựng, giữ chức: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị; kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 kể từ ngày 27/01/2014.

+ Tiếp nhận, bổ nhiệm ông **Nguyễn Việt Hùng**, sinh ngày 11/09/1979, KSXD, Phó Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng HUD401; giữ chức: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4, kể từ ngày 03/01/2014.

+ Ông **Hà Danh Quế** thôi tham gia HĐQT Công ty; ông **Nguyễn Việt Hùng**, Phó giám đốc Công ty, tham gia HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2010 - 2015 thay ông Hà Danh Quế kể từ ngày 19/5/2014.

+ Bổ nhiệm ông **Nguyễn Việt Hùng**, sinh ngày 11/09/1979, KSXD, UVHĐQT, Phó giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 kể từ ngày 03/06/2014.

+ Bổ nhiệm ông **Hoàng Anh Tuấn**, sinh ngày 30/10/1963, KSXD, Ủy viên BCH Đảng bộ, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng HUD401; giữ chức: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 kiêm Bí thư Chi bộ, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng HUD401, kể từ ngày 21/10/2014.

### VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty:

#### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT bao gồm 05 thành viên, trong đó:

+ Ông: **Lê Quang Hiệp** Chủ tịch HĐQT

+ Ông: **Đông Phạm Bình** Phó Chủ tịch HĐQT

+ Ông: **Đoàn Văn Thanh** Ủy viên HĐQT

+ Ông: **Nguyễn Việt Hùng** Ủy viên HĐQT

+ Ông: **Lê Đỗ Thắng** Ủy viên HĐQT

Số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty là 01 người: Ông **Đoàn Văn Thanh** - Ủy viên HĐQT.

- Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

+ Bà: **Hà Thị Hạnh** - Trưởng ban kiểm soát

+ Ông: **Lăng Khắc Cường** - Thành viên



+ Bà: Nguyễn Thị Hoa - Thành viên

- Hoạt động của HĐQT: Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD4.

Thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch vốn hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

\*Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;



h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

+ Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc hoặc Ban Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

+ Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

+ Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Các cuộc họp của HĐQT Công ty được tiến hành một cách dân chủ và được thể hiện tại các Biên bản họp, kèm theo các Nghị quyết, Quyết định được ban hành, trên cơ sở đó các đơn vị, cá nhân liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

+ Các báo cáo thường kỳ, đột xuất của Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn của Công ty với Hội đồng thành viên Tập đoàn được thực hiện theo đúng quy định như: báo cáo việc thành lập Công ty con, tăng vốn điều lệ của Công ty, các phương án đầu tư các dự án...

+ Hội đồng quản trị ban hành các Quy chế, quy định quản trị nội bộ.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Tham gia Đại hội cổ đông, các cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Quy chế hoạt động của Hội đồng nâng bậc lương Công ty.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu công việc, tình hình sản xuất, kinh doanh, sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công



đoàn lâm thời, Công ty lập kế hoạch và tổ chức nâng bậc lương cho người lao động làm việc trong Công ty.

Căn cứ để nâng bậc lương đối với lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh là tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật ứng với công việc đảm nhận; đối với viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, nhân viên thừa hành, phục vụ là tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ viên chức và thâm niên làm việc trong Công ty.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

a. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

b. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

c. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

d. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

f. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

g. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty.

- Tiền lương, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành.

|   |                  |                    |
|---|------------------|--------------------|
| Lê Quang Hiệp                             | Chủ tịch HĐQT    | 49.000.000         |
| Đông Phạm Bình                            | Phó CT HĐQT      | 146.640.000        |
| Đoàn Văn Thanh                            | Ủy viên HĐQT     | 19.200.000         |
| Hà Danh Quế (nghỉ hưu 01/07/2014)         | UVHĐQT, GD Cty   | 85.640.000         |
| Nguyễn Việt Hùng (Bổ nhiệm 02/06/2014)    | UVHĐQT, GD Cty   | 100.000.000        |
| Lê Đỗ Thắng                               | UVHĐQT, PGĐ      | 134.140.000        |
| Nguyễn Văn Huyền                          | Phó Giám đốc     | 130.000.000        |
| Hoàng Anh Tuấn                            | Phó Giám đốc     | 11.000.000         |
| Lê Văn Tuấn (thuyên chuyển công tác)      | Phó Giám đốc     | 9.189.000          |
| Hoàng Đình Thắng (thuyên chuyển công tác) | Phó Giám đốc     | 5.189.000          |
| Hà Thị Hạnh                               | Trưởng BKS       | 130.000.000        |
| Lăng Khắc Cường                           | TV Ban kiểm soát | 83.457.000         |
| Nguyễn Thị Hoa                            | TV Ban kiểm soát | 39.284.000         |
| <b>Tổng cộng:</b>                         |                  | <b>942.739.000</b> |



- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ thành viên HĐQT:

| Stt | Họ và tên        | Chức vụ      | Số cổ phần sở hữu/tổng số cổ phần |                    |
|-----|------------------|--------------|-----------------------------------|--------------------|
|     |                  |              | 31/12/2013                        | 31/12/2014         |
| 1   | Lê Quang Hiệp    | CT HĐQT      | 130.900/15.000.000                | 130.900/15.000.000 |
| 2   | Đông Phạm Bình   | PCT HĐQT     | 58.400/15.000.000                 | 58.400/15.000.000  |
| 3   | Đoàn Văn Thanh   | Ủy viên HĐQT | 9.100/15.000.000                  | 9.100/15.000.000   |
| 4   | Nguyễn Việt Hùng | Ủy viên HĐQT | 25.400/15.000.000                 | 25.400/15.000.000  |
| 5   | Lê Đỗ Thắng      | Ủy viên HĐQT | 20.700/15.000.000                 | 20.700/15.000.000  |

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

| Stt | Họ và tên        | Chức vụ                 | Các giao dịch cổ phiếu năm 2014 |     |
|-----|------------------|-------------------------|---------------------------------|-----|
|     |                  |                         | Mua                             | Bán |
| 1   | Lê Quang Hiệp    | CT HĐQT                 | 0                               | 0   |
| 2   | Lê Thị Minh Ngọc | Vợ ông Hiệp             | 0                               | 0   |
| 3   | Đông Phạm Bình   | Phó CT HĐQT             | 0                               | 0   |
| 4   | Nguyễn Thị Tuất  | Vợ ông Bình             | 0                               | 0   |
| 5   | Nguyễn Việt Hùng | UVHĐQT,<br>Giám đốc Cty | 0                               | 0   |
| 6   | Đoàn Văn Thanh   | Ủy viên HĐQT            | 0                               | 0   |
| 7   | Lê Đỗ Thắng      | UVHĐQT, PGĐ<br>Cty      | 0                               | 0   |
| 8   | Ng. Văn Huyền    | Phó giám đốc            | 0                               | 0   |
| 9   | Nguyễn Thị Hoa   | Vợ ông Huyền            | 0                               | 0   |
| 10  | Nguyễn Thị Hoà   | Con ông Huyền           | 0                               | 0   |
| 11  | Nguyễn Đức Mạnh  | Con ông Huyền           | 0                               | 0   |
| 12  | Hoàng Anh Tuấn   | Phó giám đốc            | 0                               | 0   |
| 13  | Hoàng Trọng Hải  | Em ông Tuấn             | 0                               | 0   |

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:



